

**CÔNG TY TNHH COLOR TREND VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH COLOR TREND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COLOR TREND VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301207562

**3. Ngày thành lập:** 18/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Viêm Xá, Phường Hòa Long, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 097 588 88 32

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                       | 4322        |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                          | 4530        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                          | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                         | 4651        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                          | 4652        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                      | 4653        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                             | 4659        |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                | 4661        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                         | 4662        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                     | 4663        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp | 4669        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                         | 7110        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                   | 7310        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                              | 7410        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                      | 7710        |
| 16. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                              | 2022(Chính) |
| 17. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                              | 2511        |
| 18. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                  | 2512        |
| 19. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                    | 2513        |
| 20. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                            | 2591        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 26. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 29. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 30. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 31. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_

Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_

Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027188005321

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Viêm Xá, Phường Hòa Long, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Viêm Xá, Phường Hòa Long, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh